

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4- GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 160/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 21-5-2026
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, TỈNH GIA LAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghĩa
Ông Nguyễn Hữu Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị N Nữ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Gia Lai tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thị Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1995; CCCD số: 052195010769 (vắng mặt, có đơn yêu cầu);

Địa chỉ: Thôn T1, xã PM, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Ông Dương Chí T, sinh năm 1984; CCCD số: 052084005862 (vắng mặt lần 02);

Địa chỉ: Số nhà 354/17 đường Q, xã TS, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Lê Thị N trình bày: Bà và ông Dương Chí T tự nguyện tìm hiểu nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn vào ngày 19/12/2019 tại UBND xã M, huyện PM, tỉnh Bình Định (cũ) nay là xã PM, tỉnh Gia Lai.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu

thuần rất nhiều lần về những vấn đề trong cuộc sống. Vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả tốt đẹp. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay. Nay xét thấy không thể chung sống nữa, bà yêu cầu được ly hôn ông T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Dương Thục H (giới tính: Nữ), sinh ngày 06/7/2020, hiện tại con chung đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung (H) đến trưởng thành; không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Dương Chí T vắng mặt lần thứ hai không có lý do: ông Dương Chí T đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập, Quyết định xét xử nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp lời khai và yêu cầu đối với vụ án.

Tại biên bản xác minh ngày 07/01/2026 Công an xã TS, tỉnh Gia Lai cung cấp (BL 16): Ông Dương Chí T, sinh năm 1984, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 354/17 đường Q, xã TS, tỉnh Gia Lai. Số định danh cá nhân: 052084005862 và hiện ông T có mặt tại địa phương.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đa phần là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTT Dân sự 2015. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 72, 73 BLTT Dân sự 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N: Bà N được ly hôn ông Dương Chí T. Giao con chung tên Dương Thục H (giới tính: Nữ), sinh ngày 06/7/2020 cho bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành; về cấp dưỡng nuôi con chung: miễn xét vì bà N không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm: bà Lê Thị N vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Dương Chí T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các quy định

tại Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N và ông Dương Chí T kết hôn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện PM, tỉnh Bình Định (cũ) ngày 19/12/2019 đúng theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn nhiều về những vấn đề trong cuộc sống mà không giải quyết được.

Hai bên đã cắt đứt quan hệ, không còn quan tâm gì đến nhau, sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Vợ chồng xa cách đã lâu nhưng hai bên vẫn bỏ mặc cho tình trạng hôn nhân của mình. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà N yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà N và ông T có 01 con chung tên Dương Thục H (giới tính: Nữ), sinh ngày 06/7/2020, hiện con chung đang ở với bà N. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được tiếp tục được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến trưởng thành. HĐXX xét thấy yêu cầu của bà N là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của trẻ, nghị nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu nên Tòa không xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu nên Tòa không xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ vào quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, cần buộc bà Lê Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào khoản tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005758 ngày 28/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai; bà N đã nộp xong án phí.

[6] Lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N.

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị N được ly hôn với ông Dương Chí T.

- Về con chung: Giao con chung tên Dương Thục H (giới tính: Nữ), sinh ngày 06/7/2020 cho bà Lê Thị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu nên miễn xét.

Người không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom, chăm sóc, giúp đỡ con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm:

Bà Lê Thị N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào khoản tiền 300.000đ - tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005758 ngày 28/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai; bà N đã nộp xong án phí.

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật N hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 4;
- Phòng THADS khu vực 4;
- UBND xã PM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Giang Nam

